

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO 4

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Dịch vụ phát thanh, truyền hình là dịch vụ ứng dụng viễn thông để cung cấp nguyên vẹn các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình đến người sử dụng”;

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Đơn vị cung cấp nội dung là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình tại Việt Nam; tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận bản quyền hợp pháp đối với nội dung thông tin cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình”;

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 11 Điều 3 như sau:

“11. Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao) là người sử dụng dịch vụ có giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bằng hợp đồng dưới hình thức văn bản in hoặc điện tử”;

d) Bổ sung Khoản 16 Điều 3 như sau:

“16. Chương trình trong nước là chương trình phát thanh, truyền hình do cơ quan, tổ chức của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật;”

đ) Bổ sung Khoản 17 Điều 3 như sau:

“17. Chương trình nước ngoài là chương trình phát thanh, truyền hình do cơ quan, tổ chức của nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng nước ngoài;”

e) Bổ sung Khoản 18 Điều 3 như sau:

“18. Nội dung theo yêu cầu là các chương trình trong nước, chương trình nước ngoài, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện; phim và các nội dung có hình ảnh hoặc âm thanh trong nước, nước ngoài khác đã đáp ứng các quy định chuyên ngành của pháp luật Việt Nam được cung cấp theo yêu cầu đến người sử dụng dịch vụ;”

g) Bổ sung Khoản 19 Điều 3 như sau:

“19. Nội dung giá trị gia tăng là các nội dung được cung cấp gắn liền với các chương trình của kênh chương trình, các nội dung theo yêu cầu; không cung cấp độc lập;”

h) Bổ sung Khoản 20 Điều 3 như sau:

“20. Cước dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc năm hoặc từng chương trình.”

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ Khoản 1 Điều 4 như sau:

“đ) Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả chương trình ứng dụng Internet để truyền tải các kênh chương trình phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ;”

b) Bổ sung điểm e Khoản 1 Điều 4 như sau :

“e) Dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu trên mạng Internet: Là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định, gồm cả chương trình ứng dụng Internet, chỉ sử dụng để truyền tải nội dung theo yêu cầu đến người sử dụng dịch vụ.”

3. Điều 5 được sửa đổi bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại, triển khai phủ sóng truyền hình qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng truyền hình mặt đất để mọi người dân thu xem được các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương;”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ chỉ tiêu phát triển lĩnh vực phát thanh, truyền hình tại Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thực hiện sắp xếp số lượng các doanh nghiệp truyền hình trả tiền có hạ tầng mạng viễn thông, đảm bảo duy trì phát triển thị trường dịch vụ

phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân;”

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ chỉ tiêu phát triển lĩnh vực phát thanh, truyền hình tại Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thực hiện sắp xếp số lượng các kênh chương trình cả trong nước và nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực của xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;”

d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông; mọi hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP và Nghị định này; các dịch vụ theo yêu cầu trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan;”

đ) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả nội dung thông tin, chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình bằng các biện pháp lưu chiếu, đo lường khán thính giả, điều tra xã hội học, đo kiểm kỹ thuật để phục vụ công tác quản lý nhà nước và điều chỉnh hoạt động sản xuất, biên tập nội dung phát thanh, truyền hình;”

e) Bổ sung khoản 7 Điều 5 như sau:

“7. Duy trì dịch vụ truyền hình cáp tương tự theo hướng không mở rộng phạm vi và số lượng đơn vị cung cấp dịch vụ; chấm dứt cung cấp dịch vụ truyền hình cáp tương tự theo nhu cầu thị trường để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư của xã hội về hạ tầng truyền dẫn và thiết bị thu.”

4. Bổ sung Điều 12a như sau:

“Điều 12a. Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền - loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu trên mạng Internet.

1. Điều kiện cấp giấy phép

a) Theo quy định tại các điểm a, b và e Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

b) Có dự kiến danh mục nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Hồ sơ cấp giấy phép

a) Theo quy định tại các điểm a và b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

b) Đề án cung cấp dịch vụ theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, gồm các nội dung: Phạm vi; điều kiện kỹ thuật cung cấp dịch vụ; phương tiện thanh toán; quy trình giải quyết khiếu nại; dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên; dự kiến nhóm nội dung cung cấp trên dịch vụ; tên cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình chịu trách nhiệm biên tập nội dung trước khi cung cấp trên dịch vụ; tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định và chương trình ứng dụng Internet cung cấp dịch vụ;

c) Bản sao xác nhận đăng ký hoặc văn bản tương đương chứng minh quyền sử dụng tên miền hoặc địa chỉ Internet và chương trình ứng dụng Internet để cung cấp dịch vụ, phù hợp với điểm d Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

d) Văn bản thỏa thuận bản quyền đối với nội dung cung cấp trên dịch vụ theo đăng ký;

đ) Văn bản thỏa thuận hợp tác với cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình chịu trách nhiệm biên tập nội dung trước khi cung cấp trên dịch vụ.

3. Thủ tục cấp giấy phép:

a) Hồ sơ gồm 01 bộ bản chính nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc nộp bản có chứng thực điện tử trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

b) Theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

4. Thời hạn giấy phép: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

5. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

6. Gia hạn giấy phép: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.

7. Hồ sơ, thủ tục cấp lại giấy phép: Theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.”

5. Bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 13 như sau:

“c) Các chương trình đã được phát trên các kênh chương trình được quy định tại các điểm a và b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP; các nội dung quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị định này”.

6. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) *Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 14 như sau:*

“3. Gói dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu thuộc các loại hình dịch vụ quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP và các loại hình dịch vụ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định này gồm các nội dung quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị định này;”

b) *Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 như sau:*

“4. Các dịch vụ giá trị gia tăng cung cấp kèm theo dịch vụ phát thanh, truyền hình do cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giá trị gia tăng”;

c) Bổ sung Khoản 5 Điều 14 như sau:

“5. Đơn vị cung cấp dịch vụ chỉ cung cấp một gói dịch vụ phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia. Đơn vị cung cấp dịch vụ có áp dụng công nghệ chèn, thay thế kênh chương trình phải cung cấp kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương trên địa bàn”.

7. Khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị, các chương trình tin tức, các loại bản tin”.

8. Khoản 6 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp giấy phép biên tập là đầu mối thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo như đối với kênh truyền hình trả tiền”.

9. Điểm c Khoản 6 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp lý đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài)”;

10. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Việc biên tập các chương trình, kênh chương trình nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Biên tập, quản lý bảo đảm nội dung không trái quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, quảng cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Biên tập, cảnh báo nội dung phải tuân thủ quy định của pháp luật về trẻ em, điện ảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan;”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 19 như sau:

“Việc biên dịch được thực hiện tùy theo loại chương trình, kênh chương trình nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Biên dịch 100% nội dung kênh chương trình phim truyện, phim hoạt hình;

b) Biên dịch 100% các chương trình phóng sự, phim truyện, phim tài liệu, phim hoạt hình, truyền hình thực tế và trò chơi truyền hình trên các kênh khác và trên dịch vụ theo yêu cầu, trừ các chương trình phóng sự trực tiếp trên kênh tin tức.”

11. Khoản 4 Điều 20 được sửa đổi bổ sung như sau:

“4. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa là 5 (năm) năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình”.

12. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục nội dung; nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng được lập hồ sơ theo mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 3 Điều 21 như sau:

“b) Được cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình biên tập đối với chương trình trong nước và biên tập, biên dịch đối với chương trình nước ngoài trước khi cung cấp trên dịch vụ, trừ các chương trình đã phát trên các kênh chương trình đã được cấp phép theo quy định của pháp luật Việt Nam;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 3 Điều 21 như sau:

c) Được lập hồ sơ theo mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền;”

d) Bổ sung điểm d Khoản 3 Điều 21 như sau:

“d) Tỷ lệ số lượng chương trình trong nước trong tổng số chương trình cung cấp trên dịch vụ theo yêu cầu trên mạng Internet không thấp hơn 30%;”

đ) Bổ sung điểm đ Khoản 3 Điều 21 như sau:

“đ) Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quảng cáo. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình là đầu mối thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo và pháp luật liên quan;”

e) Bổ sung Khoản 7 Điều 21 như sau:

“7. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nguyên tắc thực hiện biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình”.

13. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Các kênh chương trình trong nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của Nhà nước được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa đơn vị cung cấp nội dung và đơn vị cung cấp dịch vụ;”

b) Bổ sung Khoản 3 Điều 22 như sau:

“3. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn danh mục các sự kiện thể thao có tác động đến xã hội phải được tiếp phát lại trên các hạ tầng truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình quảng bá theo từng giai đoạn”.

14. Điều 26 được sửa đổi bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chế độ và mẫu biểu báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập, biên dịch nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình;”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 26 như sau:

“3. Các đơn vị có giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình, giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình; hoạt động biên tập nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng ; hoạt động biên tập, biên dịch chương trình, kênh chương trình nước ngoài theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);

b) Chứng minh tính chính xác của nội dung và số liệu báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”

15. Bổ sung Khoản 7 Điều 29 như sau:

“7. Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng quy định tại các Khoản 2 và 3, điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP và thực hiện thủ tục đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian xử lý và tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận

1. Thay cụm từ “30 ngày làm việc” bằng “24 ngày làm việc” tại điểm b Khoản 3 Điều 12, điểm b Khoản 3 và điểm e Khoản 6 Điều 15, điểm h Khoản 6 Điều 18, điểm e Khoản 3 và Khoản 7 Điều 20; thay cụm từ “20 ngày làm việc” bằng “16 ngày làm việc” tại điểm b Khoản 6 Điều 12, điểm đ Khoản 5 Điều 15, điểm g Khoản 7 Điều 18, điểm d Khoản 6 Điều 20; thay cụm từ “15 ngày làm việc” bằng “12 ngày làm việc” tại điểm d Khoản 5 Điều 12 và điểm đ Khoản 2 Điều 30 và thay cụm từ “10 ngày làm việc” bằng “8 ngày làm việc” tại điểm c Khoản 7 Điều 12 và điểm c Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;

2. Hồ sơ quy định tại điểm a Khoản 2 và điểm c Khoản 5 Điều 12; điểm a Khoản 3, điểm d Khoản 5 và điểm đ Khoản 6 Điều 15; điểm g Khoản 6 và điểm e Khoản 7 Điều 18; điểm đ Khoản 3, điểm d Khoản 6 và điểm đ Khoản 7 Điều 20; điểm d Khoản 5 và điểm b, Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP và Nghị định này được lập thành 01 bộ (bản chính), nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) hoặc nộp qua đường điện tử trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2018;
2. Các Giấy phép, Giấy chứng nhận đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 01 năm 2016 có nội dung trái với quy định của Nghị định này thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp, cơ quan báo chí phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép, giấy chứng nhận đã được cấp;
3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, bãi bỏ Thông tư 15/2010/TT-BTTTT ngày 01/7/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều kiện phát sóng quảng bá trực tiếp các kênh chương trình truyền hình địa phương trên vệ tinh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này;
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc